ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 482 /QĐ-UBND	*Bắc Giang, ngày 23 tháng 5 năm 2024*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 239/TTr-TNMT ngày 21/5/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Liên danh Công ty cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn - Hải Phòng và Công ty cổ phần Đầu tư phát triển bền vững Evergreen Bắc Giang (đại diện là Công ty cổ phần Đầu tư phát triển bền vững Evergreen Bắc Giang, địa chỉ trụ sở chính tại Shophouse số 9 lô TM7, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án "Nhà ở xã hội dành cho công nhân tại Khu đô thị mới thị trấn Nếnh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang" tại lô CT.1, CT.2 thuộc Quy hoạch chi tiết Khu đô thị mới thị trấn Nếnh, huyện Việt Yên (nay là phường Nếnh, thị xã Việt Yên), tỉnh Bắc Giang, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà ở xã hội dành cho công nhân tại Khu đô thị mới thị trấn Nếnh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

1.2. Chủ dự án: Liên danh Công ty cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn - Hải Phòng và Công ty cổ phần Đầu tư phát triển bền vững Evergreen Bắc Giang.

Đại diện chủ dự án: Công ty cổ phần Đầu tư phát triển bền vững Evergreen Bắc Giang theo văn bản ủy quyền số 01/2021/UQ-NOXH ngày 01/8/2021 của Công ty cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn - Hải Phòng.

1.3. Địa điểm hoạt động: Lô CT.1, CT.2 thuộc Quy hoạch chi tiết Khu đô thị mới thị trấn Nếnh, huyện Việt Yên (nay là phường Nếnh, thị xã Việt Yên), tỉnh Bắc Giang.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0200681370, đăng ký lần đầu ngày 20/7/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 18/9/2019 do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp cho Công ty cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn - Hải Phòng.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 2400902239, đăng ký lần đầu ngày 05/01/2021, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 29/4/2021 do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp cho Công ty cổ phần Đầu tư phát triển bền vững Evergreen Bắc Giang.

Quyết định số 294/QĐ-UBND ngày 31/3/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Nhà ở xã hội dành cho công nhân tại Khu đô thị mới thị trấn Nếnh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Quyết định chấp thuận nhà đầu tư số 776/QĐ-UBND ngày 27/7/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang, cấp lần đầu ngày 27/7/2021.

1.5. Mã số thuế: 2400902239.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

Đầu tư khu nhà ở xã hội dành cho công nhân nhằm từng bước thực hiện Quy hoạch chi tiết khu đô thị thị trấn Nếnh (nay là phường Nếnh); tạo tiền đề về kết cấu hạ tầng để thu hút đầu tư các khu, cụm công nghiệp của địa phương, đặc biệt là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; góp phần đảm bảo chỗ ở ổn định cho công nhân và người lao động trong các khu công nghiệp, giảm tình trạng ùn tắc, mất an toàn giao thông, an ninh trật tự xung quanh các khu công nghiệp; từng bước hoàn thành việc thực hiện Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Bắc Giang đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 642/QĐ-UBND ngày 21/7/2020. Khi dự án hoàn thành, đưa vào sử dụng sẽ giải quyết nhu cầu về chỗ ở cho khoảng 12.000 công nhân và người lao động làm việc trong các khu công nghiệp và các khu vực xung quanh.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

1.7.1. Phạm vi: Lô CT.1, CT.2 thuộc Quy hoạch chi tiết Khu đô thị mới thị trấn Nếnh, huyện Việt Yên (nay là phường Nếnh, thị xã Việt Yên), tỉnh Bắc Giang với tổng diện tích 32.271 m^2, trong đó: Giai đoạn hiện tại là lô CT.1 với diện tích 17.350 m^2, giai đoạn sau tại lô CT.2 với diện tích 14.921 m^2.

1.7.2. Quy mô, công suất của dự án:

- Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo quy định pháp luật về đầu tư công); không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

- Quy mô xây dựng: Nhà ở xã hội cao tầng; sân, đường, cây xanh, cảnh quan, hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà trong phạm vi ranh giới dự án hoàn chỉnh đồng bộ, cụ thể:

+ Các tòa nhà ở xã hội: Các không gian chức năng trong tòa nhà gồm: Các căn hộ để ở có diện tích sử dụng từ 30 m^2 đến 70 m^2; không gian sinh hoạt cộng đồng, không gian để xe; các không gian chức năng khác phục vụ nhu cầu sinh hoạt của chung cư. Hệ thống kỹ thuật công trình gồm: Điện, chống sét, chiếu sáng, chống ồn, thông tin truyền thông, thu gom rác, cấp nước, thoát nước, phòng cháy chữa cháy, thông gió và điều hòa không khí. Xây dựng nhà ở chung cư cao 20 tầng; tổng diện tích xây dựng tại lô CT.1 và CT.2 khoảng 12.800 m^2; tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 256.000 m^2, trong đó:

++ Giai đoạn hiện tại: Lô CT.1 khoảng 6.900 m^2; tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 138.000 m^2.

++ Giai đoạn sau (tiếp tục thực hiện): Lô CT.2 khoảng 5.900 m^2; tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 118.000 m^2.

+ Xây dựng trạm xử lý nước thải riêng của dự án, công suất đảm bảo cho dân số toàn bộ dự án, nước thải sau xử lý phải đảm bảo tiêu chuẩn để thải thẳng ra ngoài môi trường, trong đó:

++ Giai đoạn hiện tại: Công suất 720 m^3/ngày đêm.

++ Giai đoạn sau: Công suất 780 m^3/ngày đêm.

+ Xây dựng sân đường, cây xanh, cảnh quan, hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà (gồm trạm biến áp, cấp điện, chiếu sáng, thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp nước, thông tin liên lạc) trong phạm vi ranh giới dự án, đản bảo hoàn chỉnh đồng bộ đáp ứng nhu cầu của dự án và phù hợp với Quy hoạch chi tiết được phê duyệt.

+ Quy mô dân số: Đáp ứng nhu cầu cho khoảng 12.000 người, trong đó:

++ Giai đoạn hiện tại: Khoảng 5.753 người.

++ Giai đoạn sau: Khoảng 6.247 người.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Liên danh Công ty cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn - Hải Phòng và Công ty cổ phần Đầu tư phát triển bền vững Evergreen Bắc Giang.

1. Liên danh Công ty cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn - Hải Phòng và Công ty cổ phần Đầu tư phát triển bền vững Evergreen Bắc Giang có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Liên danh Công ty cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn - Hải Phòng và Công ty cổ phần Đầu tư phát triển bền vững Evergreen Bắc Giang có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Việt Yên nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Việt Yên.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Quyết định số 1074/QĐ-UBND ngày 12/10/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án "Nhà ở xã hội dành cho công nhân tại Khu đô thị mới thị trấn Nếnh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang" tại thị trấn Nếnh, huyện Việt Yên (nay là phường Nếnh, thị xã Việt Yên), tỉnh Bắc Giang do Liên danh Công ty cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn - Hải Phòng và Công ty cổ phần Đầu tư phát triển bền vững Evergreen Bắc Giang làm chủ đầu tư *(trừ các nội dung yêu cầu tại phụ lục 5 kèm theo Giấy phép này)* và các giấy phép môi trường thành phần *(nếu có)* hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang, UBND thị xã Việt Yên, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án "Nhà ở xã hội dành cho công nhân tại Khu đô thị mới thị trấn Nếnh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang" tại lô CT.1, CT.2 thuộc Quy hoạch chi tiết Khu đô thị mới phường Nếnh, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang của Liên danh Công ty cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn - Hải Phòng và Công ty cổ phần Đầu tư phát triển bền vững Evergreen Bắc Giang được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường, Tổ thẩm định cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 335/QĐ-TNMT ngày 07/5/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh cấp Giấy phép môi trường cho Liên danh Công ty cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn - Hải Phòng và Công ty cổ phần Đầu tư phát triển bền vững Evergreen Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đối với các nội dung, yêu cầu tại khoản 2 Điều 1 Giấy phép này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ; UBND thị xã Việt Yên; UBND phường Nếnh; Liên danh Công ty cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn - Hải Phòng và Công ty cổ phần Đầu tư phát triển bền vững Evergreen Bắc Giang và tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Chủ dự án (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
+ LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
+ Cổng thông tin điện tử tỉnh;
+ Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, KTN.Việt Anh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải: có 05 nguồn

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ tòa chung cư CT.1-1 lô CT.1.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ tòa chung cư CT.1-2 lô CT.1.
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ tòa chung cư CT.1-3 lô CT.1.
- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ tòa chung cư CT.1-4 lô CT.1.
- Nguồn số 05: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ tòa chung cư CT.1-5 lô CT.1.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sau xử lý của trạm xử lý nước thải tập trung công suất 720 m^3/ngày đêm xả thải vào mương thoát nước cạnh dự án sau đó thoát ra kênh thoát nước chung của khu vực thuộc phường Nếnh, thị xã Việt Yên.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương thoát nước cạnh dự án sau đó thoát ra kênh thoát nước chung của khu vực thuộc phường Nếnh, thị xã Việt Yên.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả nước thải: 01 vị trí xả nước thải sau trạm xử lý nước thải tập trung công suất 720 m^3/ngày đêm xả thải vào mương thoát nước cạnh dự án sau đó thoát ra kênh thoát nước chung của khu vực thuộc phường Nếnh, thị xã Việt Yên.

Tọa độ vị trí xả thải *(theo hệ tọa độ VN 2000, trục kinh tuyến 107^0, múi chiếu 3^0)*: X=2349769; Y= 407950;

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 720 m^3/ngày đêm; tương đương với khoảng 30 m^3/giờ (tính theo 24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý của trạm xử lý nước thải tập trung công suất 720 m^3/ngày đêm được xả thải phương thức tự chảy vào mương thoát nước cạnh dự án sau đó thoát ra kênh thoát nước chung của khu vực thuộc phường Nếnh, thị xã Việt Yên.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả thải vào mương thoát nước cạnh dự án sau đó thoát ra kênh thoát nước chung của khu vực thuộc phường Nếnh, thị xã Việt Yên đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế, giá trị Cmax, cột A (hệ số K = 1,0), cụ thể như sau:

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 14:2008/BTNMT, C_{max}, K=1,0)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Nhiệt độ	^oC	-	Không thuộc đối tượng	Phải lắp đặt
2	COD	mg/l	-		
3	pH	-	5 - 9	Quan trắc định kỳ 3 tháng/lần	
4	TSS	mg/l	50		
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	5,0		
6	BOD_5	mg/l	30		Không thuộc đối tượng
7	TDS	mg/l	500		
8	Sunfua	mg/l	1,0		
9	Nitrat (tính theo N)	mg/l	30		
10	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10		
11	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5		
12	Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/l	6		
13	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải.

Nước thải sinh hoạt: Nước thải phát sinh từ bồn cầu, bếp ăn của các căn hộ tại mỗi tòa nhà chung cư (gồm 05 tòa) sau khi được thu gom, xử lý sơ bộ qua 01 bể tự hoại 03 ngăn, 01 bể tách mỡ 02 ngăn (nước thải bếp ăn xử lý qua bể tách mỡ, nước thải bồn cầu xử lý qua bể tự hoại) cùng nước thải tắm giặt, thoát sàn theo cống dẫn BTCT D300 với tổng chiều dài 78m dẫn vào trạm xử lý nước thải tập trung công suất 720m^3/ngày đêm để tiếp tục xử lý, sau đó theo đường ống dẫn HDPE D110 chiều dài 50 m về trạm quan trắc tự động trước khi thải ra mương thoát nước cạnh dự án bằng đường ống HDPE D300 chiều dài 200m (tòa CT.1-1 gồm: Bể tự hoại thể tích 183 m^3, bể tách mỡ thể tích 97,6 m^3; tòa CT.1-2: Bể tự

hoại thể tích 204 m^3, bể tách mỡ thể tích 81,6 m^3; tòa CT.1-3: Bể tự hoại thể tích 191,7 m^3, bể tách mỡ thể tích 97,6 m^3; tòa CT.1-4: Bể tự hoại thể tích 203,5 m^3, bể tách mỡ thể tích 88,8 m^3; tòa CT.1-5: Bể tự hoại thể tích 143,2 m^3, bể tách mỡ thể tích 71,2 m^3).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ trạm xử lý nước thải tập trung công suất 720m^3/ngày đêm:

Nước thải (sau xử lý sơ bộ) → Hố tách rác → Bể điều hòa → Cụm bể kỵ khí, thiếu khí (gồm 6 bể) → Cụm bể hiếu khí (gồm 3 bể) → Bể trung gian → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, giá trị Cmax (hệ số K=1,0) → mương thoát nước cạnh dự án.

- Công suất thiết kế trạm xử lý nước thải: 720 m^3/ngày đêm.

- Công nghệ xử lý: Công nghệ sinh học.

- Hóa chất sử dụng: Javen 110 lít/tháng; mật rỉ đường 135 kg/tháng.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tử động, liên tục:

- Số lượng: 01 trạm.

- Vị trí: Mương quan trắc sau bể khử trùng, trước khi xả ra môi trường.

- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), nhiệt độ, pH, Chất rắn lơ lửng, COD, Amoni.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: 01 thiết bị.

- Camera theo dõi: 02 bộ.

- Kết nối, truyền số liệu: Hoàn thành kết nối, truyền dữ liệu quan trắc tự động, liên tục nước thải sau xử lý về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang xong trước ngày 31/12/2024.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố công trình xử lý nước thải

- Vận hành trạm xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật, có nhật ký vận hành, hàng ngày ghi chép đầy đủ các thông số vận hành như: Lượng hóa chất sử dụng, tình trạng hoạt động của các thiết bị để có những khắc phục, sữa chữa và thay thế kịp thời khi có sự cố. Trong nhật ký phải ghi chép lại các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền.

- Nhân viên kỹ thuật vận hành trạm xử lý phải được tập huấn, đào tạo, nâng cao chuyên môn, thao tác đúng cách để hạn chế những sai sót có thể gây ra sự cố, luôn có mặt tại vị trí khi vận hành.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng cao (như: máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác...) để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Vệ sinh đường cống thoát nước thải, tránh ùn tắc, ứ đọng chất thải rắn trong đường cống dẫn nước thải.

- Giám sát lưu lượng nước thải thường xuyên, liên tục để kịp thời điều chỉnh không để xảy ra quá tải, giảm hiệu quả xử lý của trạm xử lý nước thải.

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về việc sử dụng nước tiết kiệm; thực hiện thu gom rác thải theo quy định, không xả thải vào các đường thu gom nước thải.

- Phối hợp chặt chẽ với cơ quan quản lý môi trường địa phương trong việc thanh kiểm tra, quan trắc và giám sát chất lượng nước, chất lượng môi trường.

1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố công trình xử lý nước thải

- Khi có sự cố xảy ra nhanh chóng tìm hiểu nguyên nhân sự cố và khắc phục kịp thời không để nước thải chưa xử lý vượt quy chuẩn xả thải ra môi trường; tạm dừng hoạt động phát sinh nước thải đến khi khắc phục xong mới tiếp tục hoạt động trở lại.

- Dừng hoạt động trạm xử lý nước thải để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục, đồng thời báo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Trường hợp mạng lưới điện trong khu vực bị mất phải cho vận hành ngay máy phát điện dự phòng để kịp thời đưa trạm xử lý nước thải vận hành trở lại.

- Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị, máy móc của trạm xử lý nước thải và phải dừng hoạt động của trạm xử lý này để khắc phục sự cố, thời gian sửa chữa kéo dài vượt quá khả năng lưu chứa tại các bể của hệ thống xử lý, Chủ dự án thực hiện thuê đơn vị có chức năng đến hút nước thải của bể và mang đi xử lý theo quy định.

- Nước thải qua trạm xử lý nước thải được đánh giá có thể gặp các sự cố như: một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt quy chuẩn cho phép (QCCP). Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh cụ thể:

+ Nếu pH quá thấp hoặc quá cao ngoài giới hạn QCCP thì tiến hành lấy mẫu tại bể chứa nước thải sau xử lý, kiểm tra lại, điều chỉnh định mức hóa chất sử dụng cho đến khi kiểm tra mẫu đạt.

+ Nếu thông số chất rắn lơ lửng vượt quy chuẩn cho phép, kiểm tra hiệu quả lắng của bể lắng.

+ Tương tự đối với từng thông số khác sẽ đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý, Chủ cơ sở liên hệ ngay với bên lắp đặt, xây dựng trạm xử lý để khắc phục, xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ ngày 10/6/2024 đến ngày 10/9/2024.

2.2. Công trình thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Trạm xử lý nước thải lô CT.1 công suất 720 m^3/ngày đêm

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại vị trí đầu vào và đầu ra của trạm xử lý nước thải công suất 720 m^3/ngày đêm.

2.2.2 Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

STT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, hệ số K=1,0)
1	pH	-	5 - 9
2	TSS	mg/l	50
3	Amoni (tính theo N)	mg/l	5
4	BOD_5	mg/l	30
5	TDS	mg/l	500
6	Sunfua	mg/l	1
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	30
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5
10	Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/l	6
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000

2.2.3. Tần suất lấy mẫu

* Kế hoạch vận hành thử nghiệm trạm xử lý nước thải công suất 720m^3/ngày đêm.

TT	Vị trí giám sát	Tần suất lấy mẫu	Thông số giám sát	Quy chuẩn so sánh
1	01 vị trí nước thải đầu vào tại bể điều hòa	Giai đoạn vận hành ổn định: Lấy mẫu đơn 1 lần. Thời gian dự kiến lấy mẫu: Ngày 12/8/2024	Lưu lượng, pH, BOD_5, tổng chất rắn lơ lửng, tổng chất rắn hòa tan, amoni, Nitrat, sunfua, dầu mỡ động thực vật, Phosphat, tổng các chất hoạt động bề mặt, tổng Coliforms	QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, Cmax (K=1,0)
2	01 vị trí nước thải đầu ra sau trạm xử lý nước thải	Lấy mẫu đơn với tần suất 01 ngày/lần, trong vòng 3 ngày liên tiếp. Thời gian dự kiến như sau: - Lần 1: Ngày 12/8/2024 - Lần 2: Ngày 13/8/2024 - Lần 3: Ngày 14/8/2024		

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi thoát vào hệ thống thoát nước chung của phường Nếnh, thị xã Việt Yên, không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

- Thực hiện đúng và đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan có thẩm quyền cấp phép xem xét, giải quyết.

- Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các thông tin theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Việt Yên để kịp thời xử lý.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải: có 01 nguồn

Khí thải phát sinh từ trạm xử lý nước thải tập trung lô CT.1.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải: 01 dòng khí thải

Tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải của trạm xử lý nước thải tập trung lô CT.1.

2.2. Vị trí xả khí thải: 01 vị trí *(theo hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến trục 107^0, múi chiếu 3^0)*.

Tọa độ vị trí xả khí thải: X= 2349947; Y = 407859.

2.3. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 2.500 m^3/giờ, tương đương 60.000 m^3/ngày.

2.3.1 Phương thức xả khí thải: Xả khí thải liên tục (24 giờ/ngày).

2.3.2. Chất lượng khí thải trước khi thải vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, Cmax) và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ (QCVN 20:2009/BTNMT), cụ thể như sau:

STT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ
			QCVN 19:2009/BTNMT, cột B	QCVN 20:2009/BTNMT	
1	Amoniac (NH_3)	mg/Nm^3	50	-	Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ theo khoản 3 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ
2	Hydro sunphua (H_2S)	mg/Nm^3	7,5	-	
3	Metyl mercaptan (CH_3SH)	mg/Nm^3	-	15	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải.

Khí thải, mùi phát sinh từ trạm xử lý nước thải tập trung lô CT.1 được thu gom qua quạt hút công suất 2.500 m^3/giờ vào hệ thống xử lý khí thải của dự án để xử lý trước khi thoát ra ngoài môi trường qua ống khói.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ như sau: Khí thải → Chụp hút (quạt hút)→ Ống dẫn khí → tháp xử lý (hấp thụ bằng nước sạch, xử lý bằng vi sinh) → Ống thoát khí thải. Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT trước khi thoát ra môi trường.

- Công suất: 2.500 m^3/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: nước sạch bổ sung 50 lít/tháng, vi sinh vật.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố.

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố môi trường.

- Luôn dự trữ trong kho của dự án đầy đủ các thiết bị của hệ thống xử lý khí thải, đặc biệt là các thiết bị hay hư hỏng.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng đường ống dẫn khí, quạt hút... trong hệ thống xử lý khí thải, phát hiện sớm những nguyên nhân có thể dẫn đến sự cố để khắc phục kịp thời.

- Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn, đồng thời dừng hoạt động tại các điểm có sự cố và báo cáo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Đào tạo, nâng cao chuyên môn của nhân viên cơ điện và nhân viên phụ trách vận hành hệ thống xử lý khí thải tại dự án, hạn chế những sai sót xảy ra có thể gây ra sự cố.

- Có nhật ký ghi chép lại các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền tại địa phương.

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Định kỳ 03 tháng/lần kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải để phát hiện hỏng hóc và sửa chữa kịp thời.

- Có nhật ký ghi chép quá trình theo dõi, giám sát vận hành, các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền tại địa phương.

1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố môi trường

Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn tại nhà máy, đồng thời dừng hoạt động tại các điểm có sự cố để khắc phục hệ thống giảm thiểu các tác động của bụi và khí thải phát sinh mới tiếp tục vận hành sản xuất và báo cáo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ ngày 10/6/2024 đến ngày 10/9/2024.

2.2. Công trình thiết bị xử lý khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý khí thải của trạm xử lý nước thải tập trung lô CT.1

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại ống thoát khí sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải lô CT.1.

2.2.2 Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

STT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	
			QCVN 19:2009/BTNMT, **cột B, Cmax**	**QCVN 20:2009/BTNMT**
1	Amoniac (NH_3)	mg/Nm^3	50	-
2	Hydro sunphua (H_2S)	mg/Nm^3	7,5	-
3	Metyl mercaptan (CH_3SH)	mg/Nm^3	-	15

2.2.3. Tần suất lấy mẫu

* Kế hoạch vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải của trạm xử lý nước thải tập trung lô CT.1.

TT	Vị trí giám sát	Tần suất lấy mẫu	Thông số giám sát	Quy chuẩn so sánh
1	01 vị trí tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải	Lấy mẫu đơn với tần suất 01 ngày/lần, trong vòng 3 ngày liên tiếp. Thời gian dự kiến như sau: - Lần 1: Ngày 12/8/2024 - Lần 2: Ngày 13/8/2024 - Lần 3: Ngày 14/8/2024	Amoniac, Hydro sunphua, Metyl mercaptan	QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, QCVN 20:2009/BTNMT

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Việt Yên xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Việt Yên để kịp thời xử lý.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh: 01 nguồn phát sinh

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực đặt máy thổi khí của trạm xử lý nước thải tập trung lô CT.1.

2. Vị trí phát sinh: 01 vị trí

Vị trí: Khu vực đặt máy thổi khí của trạm xử lý nước thải tập trung lô CT.1. Toạ độ: X = 2349946; Y = 407862 *(theo hệ toạ độ VN2000, trục kinh tuyến 107^0, múi chiếu 3^0).*

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	*Khu vực thông thường*

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	*Khu vực thông thường*

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng đệm chống ồn được lắp đặt tại chân tiết bị gây ồn; lắp đặt đệm cao su và lò xo chống rung đói với các thiết bị có công suất lớn; kiểm tra bảo dưỡng định kỳ các thiết bị gây ồn, bôi trơn các bộ phận chuyển động để giảm bớt tiếng ồn.

- Công nhân được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động như: nút bịt tai, mũ, quần

áo bảo hộ, đặc biệt tại các vị trí làm việc có mức ồn cao. Chủ dự án sẽ nhắc nhở công nhân làm việc tại các khu vực phát sinh tiếng ồn phải sử dụng bảo hộ lao động đầy đủ trong quá trình làm việc.

- Bố trí hợp lý nhân lực làm việc trong khu vực ô nhiễm ồn, rung nhằm đảm bảo sức khoẻ lâu dài cho công nhân.

- Có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương pháp bảo hộ lao động thường xuyên của công nhân, tránh hiện tượng có phương tiện bảo hộ mà không sử dụng.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này và các quy chuẩn Việt Nam hiện hành.

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Chất thải nguy hại	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
I	**Các căn hộ**			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	2.164	16 01 06
2	Bao bì cứng bằng nhựa thải chứa thành phần nguy hại	Rắn	6.492	18 01 03
II	**Khu thương mại dịch vụ**			
1	Giẻ lau, găng tay nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	20	18 02 01
2	Hộp mực in thải	Rắn	5	08 02 04
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	10	16 01 06
4	Bao bì cứng bằng nhựa thải chứa thành phần nguy hại	Rắn	20	18 01 03
	Tổng		**8.711**	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bùn thải từ trạm xử lý nước thải tập trung	17.200
2	Bùn nạo vét hố ga thoát nước mưa, nước thải	9.000
	Tổng khối lượng	**26.200**

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Chất thải sinh hoạt phát sinh khoảng 1.050 tấn/năm, tương đương với 2.877 kg/ngày. Thành phần chủ yếu bao gồm túi nilong, vỏ chai lọ, vỏ hoa quả bánh kẹo, giấy,... phát sinh từ các căn hộ, văn phòng dịch vụ.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH)

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

Bố trí mỗi kho chứa đặt 04 thùng chứa chất thải chuyên dụng dung tích 120 lít/thùng, có nắp đậy, mỗi loại chất thải đựng vào thùng chứa riêng, trên mỗi thùng có dán mã chất thải tương ứng, dấu hiệu cảnh báo, lưu giữ tại khu vực chứa CTNH.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa

- Diện tích kho chứa chất thải nguy hại: Chủ dự án bố trí 05 kho chứa cho 05 tòa nhà (mỗi 01 tòa bố trí 01 kho chứa diện tích 06m^2).

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho chứa có mái che, nền bê tông, lắp đặt cửa ra vào, có khóa, trên cửa có biển cảnh báo kho chứa CTNH.

Chủ dự án sẽ hợp đồng với đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý CTNH theo đúng quy định, tần suất dự kiến khoảng 02 tháng/lần.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Không bố trí

Bùn thải từ trạm xử lý nước thải tập trung được lưu chứa tại bể chứa bùn của hệ thống, định kỳ 06 tháng/lần thuê đơn vị có chức năng hút xử lý; Bùn nạo vét hố ga thoát nước mưa, nước thải thực hiện tận dụng trồng cây hoặc chuyển giao xử lý theo quy định.

2.2.2. Kho /khu vực lưu chứa: Không bố trí

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí các thùng chứa chất thải dung tích 120 lít/thùng đặt tại các tầng tòa nhà, khu vực dịch vụ, ... để thu gom và phân loại chất thải phát sinh tại nguồn. Toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt được tập kết vào thùng rác dung tích 120 lít đặt tại kho chứa và chuyển giao cho đơn vị chức năng để xử lý.

2.3.2. Kho /khu vực lưu chứa:

Bố trí mỗi tòa nhà 01 kho chứa (tòa CT.1-1 diện tích 12,1 m^2, tòa CT.1-2 diện tích 15,2 m^2, tòa CT.1-3 diện tích 15,4 m^2, tòa CT.1-4 diện tích 15,4 m^2, tòa CT.1-5 diện tích 12,1 m^2.

Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị đủ chức năng đến vận chuyển và xử lý theo đúng quy định, tần suất dự kiến khoảng 1 lần/ngày (vào cuối ngày).

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

2. Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, khí thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động, có các biện pháp khắc phục sự cố cho hệ thống xử lý nước thải. Chỉ được tiếp tục hoạt động dự án khi xử lý khắc phục hoàn toàn sự cố.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG.

Các nội dung tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 1074/QĐ-UBND ngày 12/10/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Nhà ở xã hội dành cho công nhân tại Khu đô thị mới thị trấn Nếnh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang" tại lô CT.1, CT.2 thuộc Quy hoạch chi tiết Khu đô thị mới thị trấn Nếnh, huyện Việt Yên (nay là phường Nếnh, thị xã Việt Yên), tỉnh Bắc Giang, cụ thể như sau:

Chủ dự án tiếp tục xây dựng và hoàn thiện 05 tòa nhà chung cư lô CT.2, hạ tầng kỹ thuật và các công trình bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật đối với phần diện tích còn lại 14.921 m^2 (trên tổng diện tích 32.271 m^2) của dự án, gồm:

1. Các hạng mục công trình xây dựng chính của dự án:

1.1. Tòa nhà CT.2-1: Cao 20 tầng nổi và 01 tầng hầm, diện tích xây dựng 1.181m^2, tổng diện tích sàn nổi 21.207 m^2, diện tích sàn tầng hầm 2.036 m^2; chiều cao công trình từ cốt nền tầng 1 đến đỉnh mái 68,45m (tầng 1 cao 4,5m, từ tầng 2 đến tầng 19 mỗi tầng cao 3,15m, tầng 20 cao 3,6m, tum kỹ thuật mái cao 3,65m); cốt nền tầng 1 cao hơn cốt nền xây dựng của khu đất là 0,15m (cao hơn cốt hè đường khu đô thị là 1,2m), tầng hầm cao 3,9m. Tầng hầm bố trí chỗ để xe, các bể ngầm, các không gian cầu thang bộ, thang máy và các không gian công cộng, kỹ thuật công trình; tầng 1 đến tầng 20 bố trí các căn hộ ở, không gian sinh hoạt cộng đồng các không gian cầu thang bộ, thang máy và các không gian công cộng, kỹ thuật công trình. Diện tích các căn hộ ở từ 25m^2 đến 70m^2; tổng số căn hộ ở là 432 căn hộ với tổng diện tích khoảng 15.717,0m^2.

1.2. Tòa nhà CT.2-2

Tòa CT.2-2 cao 20 tầng nổi và 01 tầng hầm, diện tích xây dựng 1.031 m^2, tổng diện tích sàn nổi 18.564 m^2, diện tích sàn tầng hầm 1.902 m^2; chiều cao công trình từ cốt nền tầng 1 đến đỉnh mái 68,45m (tầng 1 cao 4,5m, từ tầng 2 đến tầng 19 mỗi tầng cao 3,15m, tầng 20 cao 3,6m, tum kỹ thuật mái cao 3,65m); cốt nền tầng 1 cao hơn cốt nền xây dựng của khu đất là 0,15m (cao hơn cốt hè đường khu

đô thị là 1,2m), tầng hầm cao 3,9m. Tầng hầm bố trí chỗ để xe, các bể ngầm, các không gian cầu thang bộ, thang máy và các không gian công cộng, kỹ thuật công trình; tầng 1 đến tầng 20 bố trí các căn hộ ở, các không gian cầu thang bộ, thang máy và các không gian công cộng, kỹ thuật công trình. Diện tích các căn hộ ở từ 25m^2 đến 70m^2; tổng số căn hộ ở là 354 căn hộ với tổng diện tích là 12.890,0m^2.

1.3. Tòa nhà CT.2-3

Tòa CT.2-3 cao 20 tầng nổi và 01 tầng hầm, diện tích xây dựng 1.181 m^2, tổng diện tích sàn nổi 21.207 m^2, diện tích sàn tầng hầm 2.200 m^2; chiều cao công trình từ cốt nền tầng 1 đến đỉnh mái 68,45m (tầng 1 cao 4,5m, từ tầng 2 đến tầng 19 mỗi tầng cao 3,15m, tầng 20 cao 3,6m, tum kỹ thuật mái cao 3,65m); cốt nền tầng 1 cao hơn cốt nền xây dựng của khu đất là 0,15m (cao hơn cốt hè đường khu đô thị là 1,2m), tầng hầm cao 3,9m. Tầng hầm bố trí chỗ để xe, các bể ngầm, các không gian cầu thang bộ, thang máy và các không gian công cộng, kỹ thuật công trình; tầng 1 đến tầng 20 bố trí các căn hộ ở, các không gian cầu thang bộ, thang máy và các không gian công cộng, kỹ thuật công trình. Diện tích các căn hộ ở từ 25m^2 đến 70m^2; tổng số căn hộ ở là 432 căn hộ với tổng diện tích khoảng 14.976,0m^2.

1.4. Tòa nhà CT.2-4

Tòa CT.2-4 cao 20 tầng nổi và 01 tầng hầm, diện tích xây dựng 1.181 m^2, tổng diện tích sàn nổi 21.207 m^2, diện tích sàn tầng hầm 2.224 m^2; chiều cao công trình từ cốt nền tầng 1 đến đỉnh mái 68,45m (tầng 1 cao 4,5m, từ tầng 2 đến tầng 19 mỗi tầng cao 3,15m, tầng 20 cao 3,6m, tum kỹ thuật mái cao 3,65m); cốt nền tầng 1 cao hơn cốt nền xây dựng của khu đất là 0,15m (cao hơn cốt hè đường khu đô thị là 1,2m), tầng hầm cao 3,9m. Tầng hầm bố trí chỗ để xe, các bể ngầm, các không gian cầu thang bộ, thang máy và các không gian công cộng, kỹ thuật công trình; tầng 1 đến tầng 20 bố trí các căn hộ ở, các không gian cầu thang bộ, thang máy và các không gian công cộng, kỹ thuật công trình. Diện tích các căn hộ ở từ 25m^2 đến 70m^2; tổng số căn hộ ở là 432 căn hộ với tổng diện tích khoảng 14.976,0m^2.

1.5. Tòa nhà CT.2-5

Tòa CT.2-5 cao 20 tầng nổi và 01 tầng hầm, diện tích xây dựng 1.057 m^2, tổng diện tích sàn nổi 19.198 m^2, diện tích sàn tầng hầm 2.105 m^2; chiều cao công trình từ cốt nền tầng 1 đến đỉnh mái 68,45m (tầng 1 cao 4,5m, từ tầng 2 đến tầng 19 mỗi tầng cao 3,15m, tầng 20 cao 3,6m, tum kỹ thuật mái cao 3,65m); cốt nền tầng 1 cao hơn cốt nền xây dựng của khu đất là 0,15m (cao hơn cốt hè đường khu đô thị là 1,2m), tầng hầm cao 3,9m. Tầng hầm bố trí chỗ để xe, các bể ngầm, các không gian cầu thang bộ, thang máy và các không gian công cộng, kỹ thuật công trình; tầng 1 đến tầng 20 bố trí các căn hộ ở, các không gian cầu thang bộ, thang máy và các không gian công cộng, kỹ thuật công trình. Diện tích các căn hộ ở từ 25m^2 đến 70m^2; tổng số căn hộ ở là 353 căn hộ với tổng diện tích khoảng 13.480,0m^2.

1.6. Nhà sinh hoạt cộng đồng

Nhà sinh hoạt cộng đồng cao 2 tầng, diện tích xây dựng 225m^2, tổng diện

tích sàn 450 m^2; chiều cao công trình từ cốt nền tầng 1 đến đỉnh mái 6,3m (tầng 1 cao 3,15m, từ tầng 2 mái cao 3,15m). Kết cấu công trình: Khung BTCT chịu lực. Hệ thống kỹ thuật công trình gồm: Hệ thống cấp điện, cấp nước, thoát nước mưa mái, nước thải, phòng cháy chữa cháy.

2. Các hạng mục, công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

2.1. Thu gom, thoát nước mưa, nước thải

Tại lô CT.2, hệ thống thu gom thoát nước mưa được thiết kế riêng biệt với hệ thống thu gom thoát nước thải. Cụ thể:

- Nước mưa chảy tràn: Nước mưa thu từ mái các toà nhà lô CT.2 được dẫn theo đường ống xuống cống thoát nước mặt bên dưới các tòa nhà rồi đấu nối với cống thoát nước chung của khu đô thị mới phường Nếnh rồi ra mương tiêu thoát nước chung của khu vực.

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải: Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ qua 05 bể tự hoại, tách mỡ (dung tích mỗi bể khoảng 150m^3) sau đó được đưa về Trạm xử lý nước thải tập trung lô CT.2 để xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột A, sau đó thải ra ngoài môi trường.

2.2. Trạm xử lý nước thải

Xây dựng Trạm xử lý nước thải lô CT.2 công suất 780 m^3/ngày đêm với quy trình công nghệ như sau: Nước thải từ nhà ở sau xử lý sơ bộ qua bể tự hoại, tách mỡ → Hố tách rác đầu vào → Bể điều hòa → Bể kỵ khí, thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng, lọc → Bể khử trùng → Mương quan trắc online.

Trạm xử lý nước thải được bố trí, lắp đặt hệ thống thu gom, xử lý mùi, khí thải phát sinh theo quy định.

2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

Chất thải rắn sinh hoạt: tại 05 tòa chung cư lô CT.2, mỗi tầng bố trí phòng kỹ thuật để chứa các thùng chứa rác, cuối ngày rác thải được thu gom, vận chuyển bằng thang máy xuống nhà gom rác thải sinh hoạt (có diện tích từ 10-15m^2) đặt tại tầng 01 của các tòa. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định với tần suất thu gom 01 lần/ngày.

2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại vào các thùng chứa dung tích 120 lít có nắp đậy, bên ngoài dán nhãn mác, lưu giữ riêng biệt các loại chất thải. Mỗi tòa nhà, bố trí kho lưu giữ chất thải nguy hại có diện tích 06m^2 (tổng số 05 kho chất thải nguy hại), vị trí gần nhà gom rác thải sinh hoạt tại tầng 01 của mỗi tòa nhà. Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định với tần suất 01 năm/lần.

2.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

- Chủ dự án sẽ sử dụng các thiết bị, máy móc được kiểm chuẩn, thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng thiết bị; lắp đặt thiết bị giảm ồn cho những máy móc,

thiết bị có mức ồn cao, không thi công vào ban đêm và giờ nghỉ trưa.

- Bố trí máy phát điện trong phòng cách âm, sử dụng móng bê tông vững chắc và đệm giảm chấn để chống rung, kiểm tra độ mòn chi tiết định kỳ và bảo dưỡng, thay thế những thiết bị hự hỏng.

- Chủ dự án sẽ tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT và các quy chuẩn kỹ thuật môi trường khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong giai đoạn xây dựng tiếp theo của Dự án.

2.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ: Chủ dự án sẽ lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của từng hạng mục công trình xây dựng, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án phòng cháy, chữa cháy được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất: thực hiện các quy định về an toàn hóa chất trong tiếp nhận, bảo quản và lưu giữ hóa chất.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải: trong quá trình vận hành hệ thống xử lý mùi của trạm xử lý nước thải, Chủ dự án sẽ thường xuyên theo dõi hoạt động, tuân thủ các yêu cầu thiết kế; có kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng định kỳ và chuẩn bị các bộ phận, thiết bị dự phòng đối với các bộ phận, thiết bị dễ hư hỏng.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với trạm xử lý nước thải lô CT.2:

+ Trang bị các thiết bị dự phòng cho Trạm xử lý (máy bơm, bơm định kượng, máy thổi khí…); định kỳ bảo trì, bảo dưỡng thiết bị; ghi chéo đầy đủ nhật ký vận hành, tuân thủ yêu cầu về thiết kế và vận hành;

+ Khi xảy ra sự cố: Trường hợp hỏng hóc thiết bị phải thực hiện các biện pháp vận hành các thiết bị dự phòng, tháo các thiết bị hỏng hóc để kiểm tra, bảo dưỡng, bổ sung thay thế; trường hợp rò rỉ, vỡ đường ống do tác động ngoại cảnh, tiến hành khóa nguồn ngước và sử dụng bơm di động, khắc phục ngay sự cố; trường hợp sự cố do vận hành, kiểm tra lại quy trình vận hành tại tất cả các công đoạn, điều chỉnh liều lượng hóa chất phù hợp, điều chỉnh nồng độ bùn, dinh dưỡng, nuôi cấy vi sinh; trường hợp trạm gặp sự cố nghiêm trọng dẫn đến nồng độ các chất ô nhiễm vượt quá quy chuẩn, chưa thể khắc phục ngay, nước thải của dự án sẽ được Chủ dự án sẽ chuyển giao cho đơn vị có chức năng phù hợp để thu gom, vận chuyển và xử lý.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đường ống cấp thoát nước: thường xuyên kiểm tra và bảo trì các mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo an toàn và đạt độ bền, độ kín khít của tất cả các tuyến ống.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó đối với khu chứa chất thải rắn thông thường, khu chứa chất thải nguy hại: khu chứa chất thải được phân chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ, các khu lưu giữ

được trang bị biển báo theo quy định.

3. Sau khi đã hoàn thành hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo các nội dung nêu trên, Chủ cơ sở có trách nhiệm thực hiện thủ tục cấp giấy phép môi trường cho toàn cơ sở theo đúng quy định của pháp luật.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Liên danh Công ty CP Khu công nghiệp Sài Gòn - Hải Phòng và Công ty CP Đầu tư phát triển bền vững Evergreen Bắc Giang có trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện dự án.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện dự án; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành trạm xử lý nước thải tập trung công suất 720m^3/ngày đêm để thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A trước khi thải ra ngoài môi trường; đảm bảo không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Vận hành hệ thống thu gom, xử lý khí thải để xử lý toàn bộ khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của dự án đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT cột B và QCVN 20:2009/BTNMT trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Việt Yên trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát và thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 239/TTr-TNMT ngày 21/5/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường dự án.